

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm, lắp đặt trang thiết bị y tế thuộc dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 43 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Ninh Bình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Số 161, đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Giang Quý Tùng.

- Điện thoại: 0941.109.666.

- Email: quanlychatluong.bqlda@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Quản lý chất lượng, tầng 3 - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Số 161, đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 ngày 04 tháng 8 năm 2023 đến trước 15h00 ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

(Chi tiết theo bảng danh mục, tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị y tế tại phụ lục I đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại 06 trạm y tế tuyến xã thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị:

a) Yêu cầu chung:

- Thiết bị sản xuất năm 2023 trở về sau.

- Chất lượng mới 100%.

- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.

- Nguồn điện sử dụng: 1 pha 220V/50Hz hoặc 3 pha 380V/50Hz ($\pm 10\%$).

- Môi trường hoạt động:

+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 25^{\circ}\text{C}$.

+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$.

b) Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng;

- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất;

- Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng;

- Có cam kết thiết bị thực hiện được các phương pháp thử đúng quy định của yêu cầu chuyên môn và hướng dẫn ứng dụng cho đơn vị thụ hưởng;
- Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 10 năm kể từ ngày bàn giao;
- Tất cả các hệ thống phần mềm xử lý, phân tích tín hiệu và các thư viện, cơ sở dữ liệu phải có bản quyền sử dụng vĩnh viễn (nếu có);
- Có cam kết chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng khi có yêu cầu.

6. Hồ sơ bao gồm:

- Báo giá theo mẫu phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan và hợp đồng cung cấp trang thiết bị chào giá (cho các đơn vị nhà nước) trong vòng 120 ngày (nếu có).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

PHỤ LỤC I

BẢNG DANH MỤC, TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ Y TẾ

Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 43 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Ninh Bình

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
1	Máy điện châm a.Yêu cầu chung: - Máy điện châm kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc - Máy mới 100% - Năm sản xuất 2023 trở về sau, thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. - Đạt các tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485 - Điều kiện môi trường cho phép khi vận hành: + Nhiệt Độ : $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm : $\geq 85\%$ - Phân loại TBYT: B b.Cấu hình kỹ thuật: Máy chính: 01 chiếc Phụ kiện cho máy theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: • 6 dây nối tấm điện cực • 6 đôi tấm điện cực massage (kích thước: 50mm x 50mm) • 6 đôi dây kẹp kim châm và điện cực (kích thước: $\leq 28\text{mm}$) • Sách hướng dẫn sử dụng: 1 quyển • Hộp xốp: 1 hộp c.Thông số kỹ thuật: Điện áp nguồn: DC9V/AC220V hoặc 110V Cường độ dòng điện tối đa 10VA Dạng xung: xung hai chiều không đối xứng Điện áp đầu ra: 0.3VA Tần số: 1 ~ 100Hz Dạng sóng truy xuất: Liên tục, không liên tục, ngắt quãng	Cái	12
2	Nồi hấp tiệt trùng 55 lít a. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: 2023 trở về sau, mới 100% chưa qua sử dụng - Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485; ISO 14001; TCVN 6792: 2001; CE 93/42/EEC - Nguồn điện cung cấp: 220 VAC $\pm 10\%$/50Hz - Môi trường hoạt động tối đa: + Nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq 50^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm hoạt động: $\geq 90\%$ (không ngưng tụ) - Bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm	Cái	6

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	thu đưa vào sử dụng. - Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế, dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và các dịch vụ sau bán hàng khác trong thời gian tối thiểu 10 năm sau khi hết hạn bảo hành. b. Yêu cầu cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 bộ + Máy hút chân không tích hợp: 01 Bộ + Bộ trao đổi nhiệt tích hợp: 01 Bộ - Phụ kiện tiêu chuẩn khác + Rọ đựng vật hấp, bằng Inox SUS 304 có quai xách: 02 cái + Dây cáp nguồn: 01 cái + Dây nối đất 2 m + Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: 1 quyển + Quy trình vận hành: 01 tờ (dán trên máy) c. Thông số kỹ thuật: - Có các chương trình được cài đặt sẵn các thông số phù hợp với các vật liệu khác nhau - Có chế độ tiết trùng cho người sử dụng tự chọn các thông số theo yêu cầu - Điều khiển bằng bộ vi xử lý cài đặt sẵn phần mềm có độ chính xác cao - Giao diện với người dùng bằng bàn phím cảm ứng và hiển thị các thông số thông qua màn hình LED hoặc tương đương - Áp suất hấp hiển thị trên đồng hồ áp lực có dải đo: từ $\leq -1\text{kg/cm}^2$ đến $\geq 5\text{ kg/cm}^2$ -Áp suất tiết trùng: từ $\leq 0\text{ kg/cm}^2$ đến $\geq 2,3\text{ kg/cm}^2$. - Thiết bị hoạt động bằng điện: + Nguồn điện: $220\text{ VAC} \pm 10\%/50\text{Hz}$ + Công suất lớn nhất: $\leq 4\text{ kW}$ + Công suất sinh hơi: $\geq 6\text{ kg/giờ}$ - Dải nhiệt độ tiết trùng: Từ 100°C đến $\geq 136^\circ\text{C}$ (Bước điều chỉnh 1°C) □Cấu tạo: - Buồng hấp: + Làm bằng Inox SUS 304 hoặc tương đương + Dung tích: $\geq 55\text{ lít}$ - Vỏ máy: + Kiểu hình khối chữ nhật + Mặt trên được làm bằng thép không gỉ SUS304 hoặc tương đương + Vỏ máy và các chi tiết còn lại được chế tạo bằng thép phủ sơn tĩnh điện hoặc tương đương - Khóa liên động: + Khóa cài ngang và liên động bằng trục vít trung tâm, có thể khóa nắp dễ dàng và đơn giản		

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	+ Nắp được khóa chắc chắn trong quá trình vận hành của thiết bị và khi làm nguội về nhiệt độ an toàn. - Nắp thiết bị: + Đóng/mở phía trên có hệ thống giảm chấn và trợ lực bằng bi chịu lực. Vật liệu bằng Inox SUS 304 hoặc tương đương + Làm kín bằng gioăng cao su silicon chịu nhiệt, có độ bền cao. + Khả năng kiểm soát nhiệt độ và áp suất để tạo ra hơi nước bão hòa: + Hơi nước được cấp liên tục cho tới khi đạt ngưỡng hơi nước bão hòa, khi nhiệt độ tương tích với áp suất. Hệ thống xả khí khác được điều khiển để đảm bảo sự cân bằng giữa nhiệt độ và áp suất. Rút ngắn tổng thời gian tiệt trùng. - Xả nước sau khi chu trình tiệt trùng kết thúc: + Có đường ống xả gắn liền với máy, có thể kết nối với đường ống xả thải thông thường. - Làm mát tiêu chuẩn + Có hệ thống làm mát và sấy khô bằng máy hút chân không chuyên dụng, hút hơi nước bão hòa dư thừa trong buồng tiệt trùng và vật hấp. - Cơ chế làm ẩm sau tiệt trùng và phân rã môi trường nuôi cấy cứng – rắn: + Nhiệt độ vận hành làm ẩm từ: 40oC - 60oC + Nhiệt độ vận hành làm lỏng môi trường nuôi cấy đặc từ: 40oC - 99oC - Có thể cài đặt thời gian bắt đầu vận hành theo ngày, giờ, phút - Có cảm biến nhiệt độ trong buồng tiệt trùng để đo và theo dõi nhiệt độ thay đổi trong buồng tiệt trùng, loại RTD-PT100 hoặc tương đương. - Chế độ tiên chân không + Được thực hiện bởi một máy hút chân không chuyên dụng, loại bỏ hầu hết khí trong buồng và trong vật hấp, cho phép hơi nước bão hòa có thể xâm nhập sâu vào trong vật hấp, đảm bảo sự hiệu quả của quá trình tiệt trùng. + Áp lực hút chân không từ - (0,5 đến 0,8) kgf/cm² + Lưu lượng hút tối đa ≥ 90 lít/ phút. - Sấy chân không: Sau khi tiệt trùng, vật hấp được sấy khô bằng công nghệ hút chân không kết hợp với áo sấy nhiệt đảm bảo khô nhanh hơn. - Hệ thống cấp nước tự động với chế độ Tiên gia nhiệt: + Cấp nước bằng tay vào két nước trước khi vận hành, nguồn nước được cấp tự động từ két nước vào		

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	thiết bị + Nước trong buồng luôn được giữ ở mức gần sôi phương pháp điều khiển PID hoặc tương đương + Áp suất nước cung cấp từ 0,2 – 10 kgf/cm². - Chức năng cảnh báo và bảo vệ an toàn: + Van an toàn tự động xả áp khi áp suất: $\geq 2,7$ kg/cm² + Áp suất nước kiểm tra buồng tiệt trùng: $\geq 5,4$ kgf/cm² + Bảo vệ quá nhiệt bằng kỹ thuật số, có thể cài đặt từ: 45oC đến 140oC và tự động xả van xả. + Tự động báo lỗi sau 15 phút khi nguồn nước cấp không có hoặc không đủ cho chu trình cấp nước cho thiết bị. + Tự động báo lỗi trên màn hình khi thiếu nước trong quá trình tiệt trùng + Tự động báo lỗi trên màn hình khi cảm biến đo nhiệt độ bị lỗi và thiết bị dừng hoạt động + Tự động báo lỗi trên màn hình khi thanh kháng đốt bị lỗi, hỏng và thiết bị tự động ngắt điện khỏi thanh kháng đốt + Có nút dừng khẩn cấp + Chống rò rỉ điện bằng Atomat chống giật. - Lưu trữ dữ liệu: Có thể lưu trữ các dữ liệu đã cài đặt, kể cả khi mất nguồn điện cung cấp ☐ Điều khiển và giao tiếp - Bộ điều khiển trung tâm: + Bộ điều khiển trung tâm (MCU) với bộ nguồn tích hợp sẵn và mạch tín hiệu vào/ra, bộ đếm tốc độ cao, mạch đọc tín hiệu analog trong một khối nhỏ gọn tạo nên một bộ điều khiển mạnh mẽ, chương trình phần mềm với các lệnh điều khiển logic sẽ giám sát và điều khiển từng thiết bị trong hệ thống. (MCU) sẽ kiểm tra các tín hiệu vào và thay đổi tín hiệu ra thông qua chương trình phần mềm đã chứa các phép toán logic, các lệnh đếm, lệnh trễ thời gian, và giao tiếp với các thiết bị ngoại vi khác,... + Bộ vi xử lý (MCU): ≥ 12 MHz + Bộ nhớ Flash: $\geq 32K$ + Bộ nhớ SRAM: ≥ 1536 byte + EEPROM: ≥ 256 byte + Bộ đo tín hiệu nhiệt độ (ADC): ≥ 24 bit + Phương pháp điều khiển PID hoặc tương đương + Thiết bị được điều khiển tự động bằng bộ vi xử lý cài đặt sẵn chương trình phần mềm, các thông số nhiệt độ, thời gian tiệt trùng được hiển thị trên màn hình LED hoặc tương đương.		

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	'- Hiển thị chức năng trên màn hình LED (Tiêu chuẩn): + Hiển thị các biểu đồ mô tả chi tiết: Chu trình hấp hiển thị LED đơn và LED số. + Hiển thị các thông số trên màn hình LED 7 số: Nhiệt độ, thời gian tiết trùng, chương trình đã lựa chọn, các tín hiệu báo lỗi. + LED đơn hiển thị lịch theo tuần từ thứ hai đến chủ nhật + Màn hình LED số: tối thiểu có 3 màn hình + Màn hình LED 1: hiển thị đồng hồ thời gian thực + Màn hình LED 2: hiển thị các thông số cài đặt và giá trị theo thời gian gồm: ☐ Nhiệt độ tiết trùng cài đặt ☐ Nhiệt độ thực trong khi thiết bị hoạt động ☐ Nhiệt độ bảo vệ cài đặt. + Màn hình LED 3: hiển thị các thông số cài đặt về thời gian gồm: ☐ Thời gian tiết trùng cài đặt ☐ Thời gian tiết trùng còn lại khi thiết bị đang hoạt động ☐ Thời gian làm khô cài đặt, thời gian làm khô còn lại khi thiết bị đang hoạt động. ☐ Thời gian cài đặt cho thiết bị hoạt động theo thời gian thực. + Các đèn LED hiển thị các chu trình hoạt động + Các giá trị và thông số hiển thị: cấp nước, đuổi khí, gia nhiệt, tiết trùng, xả, kết thúc bằng biểu đồ và ngôn ngữ. Báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu trình + Hiển thị các cảnh báo + Hiển thị ngôn ngữ bằng tiếng Việt Nam hoặc Tiếng Anh. ☐ Chương trình tiết trùng: - Chương trình tiết trùng được cài đặt sẵn cho các vật liệu khác nhau: ≥ 10 Chương trình - Chương trình 1 (Cho việc làm ẩm): Nhiệt độ từ 400C đến 600C, thời gian cài đặt từ 1 phút đến ≥ 100 giờ. - Chương trình 2 (Cho việc hòa tan): Nhiệt độ từ 400C đến 990C, thời gian cài đặt từ 1 phút đến ≥ 100 giờ - Chương trình 3 (Tiết trùng có chất lỏng trong vật chứa hờ): Nhiệt độ 1210C, thời gian cài đặt từ ≤ 15 phút - Chương trình 4 (Tiết trùng có chất lỏng trong vật chứa đóng nắp): Nhiệt độ 1210C, thời gian cài đặt từ ≤ 21 phút - Chương trình 5 (Tiết trùng dụng cụ hờ, găng tay, đồ		

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	nhựa): Nhiệt độ 1210C, thời gian cài đặt từ ≤ 15 phút, thời gian làm khô ≤ 8 phút - Chương trình 6 (Tiệt trùng dụng cụ đóng kín, găng tay, đồ nhựa chịu nhiệt): Nhiệt độ 1250C, thời gian cài đặt từ ≤ 15 phút, thời gian làm khô ≤ 8 phút. - Chương trình 7 (Tiệt trùng đồ vải, quần áo; Chất liệu PE 100% (Polyeste) và dụng cụ Inox): Nhiệt độ 1210C, thời gian cài đặt từ ≤ 21 phút, thời gian làm khô ≤ 8 phút. - Chương trình 8 (Tiệt trùng đồ vải, quần áo; Chất liệu Cotton 35/65 (Tixi) và dụng cụ Inox): Nhiệt độ 1260C, thời gian cài đặt từ ≤ 21 phút, thời gian làm khô ≤ 8 phút. - Chương trình 9 (Tiệt trùng hạt truyền nhiễm Protein (Prion)): Nhiệt độ 1340C, thời gian cài đặt từ ≤ 18 phút, thời gian làm khô ≤ 20 phút. - Chương trình 10 (Tiệt trùng đồ vải, quần áo; Chất liệu Cotton 100% và dụng cụ Inox): Nhiệt độ 1340C, thời gian cài đặt từ ≤ 10 phút, thời gian làm khô ≤ 6 phút. - Có chương trình tự chọn do người sử dụng tự cài đặt: + Nhiệt độ tiệt trùng: Từ 100oC đến ≥ 136oC (bước đặt 1oC) + Thời gian tiệt trùng: Từ 0 phút đến ≥ 9999 phút (bước đặt: 1 phút) + Thời gian làm khô: Từ 0 phút đến ≥ 9999 phút (bước đặt: 1 phút) - Nhiệt độ bảo vệ kỹ thuật số có thể cài đặt: từ 45oC – 140oC - Thiết bị tự động kiểm soát chu trình từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. - Thiết bị có bộ chuyển đổi biến hơi nước bão hòa sau khi tiệt trùng thành nước, hiệu suất đạt $\geq 95\%$ trước khi xả ra bên ngoài đảm bảo vệ sinh môi trường. - Rọ đựng vật hấp: Chất liệu: Inox SUS304 hoặc tương đương.		
3	Máy xông khí dung a. Yêu cầu chung: - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,EC - Nguồn điện: 100~240VAC, 50~60Hz - Điều kiện hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: 10~40 độ C + Độ ẩm: 30~85% b. Cấu hình bao gồm: - Máy chính - Bộ xông. - Ống dẫn khí. - Ống ngậm.	Cái	6

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	- 5 miếng lọc dự phòng - Mặt nạ trẻ em. - Mặt nạ người lớn. - Túi đựng - Hướng dẫn sử dụng. c.Thông số kỹ thuật: - Thiết kế nhỏ gọn nên tiện mang di chuyển. - Máy chạy êm, tạo cảm giác thoải mái khi sử dụng. - Kích thước hạt thuốc nhỏ. - Bộ lọc có thể thay thế. - Tốc độ xông : 0,3 ml/phút (theo trọng lượng hao hụt). - Dung tích cốc thuốc: 10ml - Kích thước hạt: 3 mm - Dung lượng cốc thuốc : 7 ml		
4	Máy theo dõi sản khoa a. Yêu cầu chung: - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,EC - Nguồn điện: 100~240VAC, 50~60Hz - Điều kiện hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: 10~40 độ C + Độ ẩm: 30~85% b.Cấu hình bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện đi kèm 01 bộ bao gồm: + Prode doppler siêu âm: 02 cái (Đầu dò tim thai) + Prode UC: 01 cái (Đầu dò cơ cơ) + Đai thắt: 03 cái + Vạch dấu: 01 cái + Giấy in: 02 cuộn + Bộ đổi nguồn và dây nguồn: 01 bộ + Gel siêu âm: 01 cái + Sách hướng dẫn sử dụng tiếng anh + Tiếng Việt c. Thông số kỹ thuật: - Màn hình hiển thị: Màn hình cảm ứng LCD - 10 phím chức năng trực quan để tinh giản quy trình làm việc. - Chế độ hiển thị đồ họa & số lớn để nhận dạng dữ liệu dễ dàng hơn - Chỉ báo cảnh báo INOP để nhận biết dễ dàng hơn về sinh lý & tình huống báo động kỹ thuật - Chức năng ghi chú đầu vào cho các chú thích lâm sàng có thể định cấu hình của người dùng lên tới 100 ghi chú - Thu thập dữ liệu chính xác: + Tự động TOCO về 0	Cái	6

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	+ Tự động phát hiện chuyển động của thai nhi - Hệ thống giám sát lên tới 16 giường bệnh + Kết nối có dây/không dây & 16 giường với hệ thống theo dõi thai nhi trung tâm, FC Central II + Máy quét mã vạch USB để đăng ký ID bệnh nhân + Kết nối bộ chuyển đổi USB Wi-Fi + Cài đặt mạng dễ dàng và thân thiện với người dùng - Ghi nhớ: + Phương pháp: In mảnh nhiệt + Loại: Dạng cuộn + Tốc độ in: √ 1, 2, 3 cm/phút. (thời gian thực) √ 30cm/phút. (cài đặt dấu vết, 2, 3cm/phút) √ 20cm/phút. (cài đặt dấu vết 1cm/phút) + Chức năng nạp giấy - Nguồn cung cấp: + Đầu vào DC: 18VDC, 2.8A + Bộ đổi nguồn “CHỈ SỬ DỤNG BridgePower Corp. BPM050S18F02” - Pin (Tùy chọn): Lithium-ion: + 4 giờ. (đang sạc) + 2 giờ. (đang dùng) - Liên kết ngoài: LAN, Wi-Fi, USB, SD memory - Nhịp tim của thai nhi. + Tín hiệu đầu vào: Xung sóng siêu âm doppler + Phương pháp dò tìm FHR: Tự động tương thích + Phạm vi FHR: 50~210 + Độ chính xác FHR: 120~160: ±1bpm + Ngoại trừ FHR: 120~160 : ±2bpm - Đầu dò siêu âm: + Chế độ hoạt động: PWD mode + Loại đầu dò: 9-crystal + Tần số siêu âm: 1.0MHz + Tần số lặp xung: 3.125Hz + Cường độ trung bình theo thời gian đỉnh không gian: <10mW/cm² - Hoạt động của dạ con: + Nguồn vào: Đầu dò ngoài + Điều khiển tham chiếu: công tắc 1 chạm / tự động về 0 + Dải đo: 0~99% - Phân tích CTG tự động: + FHR cơ sở trung bình , Số lượng TOCO, Mất tín hiệu		

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	+ Số lần tăng tóc + Số lần giảm tóc: Trễ/Sớm/Thay đổi + Giai đoạn cao/thấp, dao động ngắn hạn + Kết quả phân tích CTG được in ra 10 phút một lần -Lưu trữ dữ liệu: Lưu trữ trong 72 giờ.		
5	Xe tiêm 3 tầng a. Yêu cầu chung - Năm sản xuất thiết bị: 2023 trở về sau. Mới 100% - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO9001, ISO 14001 - Môi trường hoạt động của thiết bị: nhiệt độ $\geq 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\geq 80\%$. b. Cấu hình cung cấp gồm: - Xe chính: 01 Cái. - Xô đựng chất thải: 01 Cái. c. Chỉ tiêu kỹ thuật: - Xe có kết cấu gọn nhẹ, chắc chắn, dễ dàng khi sử dụng - Toàn bộ khung xe làm bằng Inox ống, liên kết chặt với nhau bằng 3 khay đựng và các thanh lan can. - Vật liệu: Inox SUS 201 + Mặt các tầng khay: làm bằng Inox tấm dập liền (hoặc gấp sẵn) bo góc - Xe có 4 bánh, 2 bánh có phanh hãm. - Có giá để xô đựng chất thải.	Cái	6
6	Giường bệnh nhân INOX a. Yêu cầu chung - Năm sản xuất thiết bị: 2023 trở về sau. Mới 100% - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO9001, ISO 14001 - Môi trường hoạt động của thiết bị: nhiệt độ $\geq 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\geq 80\%$. b. Yêu cầu cấu hình - Giường bệnh nhân: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: + Nệm giường dày 50 mm: 01 cái + Cọc màn hình chữ U: 02 cái c. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu - Vật liệu: Giường được làm hoàn toàn bằng Inox SUS 201 - Chiều cao sử dụng giường: $550\text{ mm} \pm 5\text{ mm}$ + Khung nâng phần đầu giường làm bằng Inox hộp, Có góc nâng từ 0 đến 45 độ điều chỉnh bằng cơ cấu thanh răng. + Có 4 móc màn + Thanh răng bằng Inox dày 2 mm được dập gân tăng cứng.	Bộ	30

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng
	- Tải trọng tối đa của giường 200 kg. - Nệm: chất liệu nệm bằng mút polyurethane, vỏ bọc bằng vải simili chống thấm nước.		

PHỤ LỤC II

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền

nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.